

Việc làm của sinh viên ngành Công tác thanh thiếu niên sau tốt nghiệp đại học tại Phân hiệu Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh

Trần Thị Lua*, Phạm Thị Quỳnh Chi*

*Phân hiệu Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh

Received: 12/11/2024; Accepted: 20/11/2024; Published: 29/11/2024

Abstract: Evaluating graduates is an important job of the Branch, one of the criteria for quality accreditation of universities and colleges according to the university charter and guidance of the Ministry of Education and Training. This article discusses the employment of Youth Social Work students who have graduated from the Vietnam Youth Academy Branch. From there, we offer some necessary solutions to improve job search opportunities for Branch students in the current period.

Keywords: Jobs, students, youth social work

1. Đặt vấn đề

Việc làm là nhu cầu cơ bản của người lao động để đảm bảo cuộc sống và phát triển toàn diện hơn. Công dân có sức lao động phải được làm việc để duy trì sự tồn tại của bản thân và góp phần xây dựng xã hội, thực hiện các nghĩa vụ đối với cộng đồng, xã hội. Vì vậy giải quyết việc làm bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động là trách nhiệm của nhà nước, của các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, cơ sở nghề và của toàn xã hội. Trong bài viết, khái niệm việc làm được hiểu với nội hàm là công việc mang lại thu nhập do sinh viên (SV) tự tạo dựng hoặc do người khác tạo ra mà SV tốt nghiệp đạt được. Khái niệm việc làm gắn với đặc điểm kinh tế (mức thu nhập) và phi kinh tế (sự phù hợp về chuyên môn đào tạo, môi trường làm việc, sự ổn định của công việc và vị trí việc làm). Các đặc điểm này chính là chỉ báo đo lường khi xây dựng và triển khai công cụ nghiên cứu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng việc làm của SV ngành Công tác thanh thiếu niên (CTTTN) Phân hiệu sau khi tốt nghiệp đại học

2.1.1. Việc làm theo khu vực: Việc lựa chọn công việc sau khi tốt nghiệp của SV là những trăn trở nói chung và SV ngành CTTTN nói riêng. Tâm lý của SV sau khi tốt nghiệp có công việc phù hợp với chuyên môn và sở thích, tuy nhiên việc lựa chọn công việc của mỗi SV nó không được quyết định bởi chỉ riêng SV sau tốt nghiệp và còn nhiều yếu tố khác.

Bảng 2.1: Công việc của SV sau khi tốt nghiệp

TT	Công việc hiện tại của SV	Tỉ lệ (%)
1	GV các trường đại học, cao đẳng	2.5
2	Nhân viên văn phòng	13.1

3	Chuyên viên phòng, ban của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội	36.9
4	Chuyên viên các phòng ban trong trường đại học, cao đẳng	18.0
5	Giáo viên tổng phụ trách Đội	7.4
6	Kinh doanh tự do	7.4
7	Giáo viên kỹ năng sống	9.8
8	Khác: ghi rõ.....	4.9

(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 7/2024)

Qua bảng 2.1 cho thấy SV ngành CTTTN sau khi tốt nghiệp làm việc tại các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp khác nhau, tuy nhiên số lượng SV làm ở vị trí chuyên viên phòng ban của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội chiếm tỉ lệ cao nhất là 36.9%, tiếp đến là chuyên viên các phòng ban trong các trường đại học, cao đẳng là 18.0%, sau khi tốt nghiệp số SV lựa chọn công việc là giáo viên kỹ năng sống, tổng phụ trách Đội chiếm tỉ lệ ở mức trung bình. Bên cạnh đó số SV lựa chọn cho mình công việc văn phòng chiếm tỉ lệ 13%. Kết quả nghiên cứu cho thấy số SV lựa chọn vào nhà nước chiếm tỉ lệ cao so với các công việc ngoài nhà nước. Để có việc làm đúng chuyên môn và sở thích của mình, bản thân các em phải thay đổi công việc nhiều lần để chờ cơ hội tìm công việc phù hợp. Khảo sát cho thấy tỉ lệ SV từng thay đổi công việc trước khi có công việc hiện tại chiếm tỉ lệ cao là 67%, số SV chưa từng thay đổi công việc chiếm tỉ lệ thấp là 33%.

Lựa chọn loại hình cơ quan tham gia làm việc là một trong những khó khăn của SV sau tốt nghiệp. Lựa chọn làm trong khu vực nhà nước hay tư nhân đều được các em SV cân nhắc, tuy nhiên xu hướng mới tốt nghiệp ra trường các em không đặt nặng vấn đề phải làm trong nhà nước hay phải ra tư nhân để

khẳng định năng lực mà ở thời điểm này SV mong muốn có công việc tạo thu nhập nuôi sống bản thân mình. Đối với SV để có một vị trí trong cơ quan nhà nước đã làm tăng thêm sự khao khát của người lao động trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Bảng 2.2: Cơ quan tổ chức công tác của SV ngành CTTN sau khi tốt nghiệp tại Phân hiệu

TT	Cơ quan tổ chức SV làm việc hiện nay	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Thứ bậc
1	Nhà nước	77	63.1	1
2	Tư nhân	29	23.8	2
3	Cổ phần	10	8.2	3
4	Liên doanh	2	1.6	4
5	Khác	3	2.5	5
6	Tổ chức phi chính phủ (NGOs)	1	0.8	6
Tổng cộng		122	100	

(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 7/2024)

Bảng 2.2 cho thấy rõ xét theo loại hình kinh tế thì hiện có 63.1% SV sau tốt nghiệp làm việc trong cơ quan nhà nước. Làm việc trong khu vực nhà nước vẫn là lựa chọn số một của SV ngành CTTN sau khi tốt nghiệp.

Như vậy có thể thấy mới tâm lý mong muốn ổn định, ít nguy cơ mất việc khi xã hội có nhiều biến động về kinh tế đặc biệt là sau đại dịch Covid 19, người lao động trong cơ quan nhà nước được hưởng các chế độ chính sách liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phụ cấp, lương hưu nên làm việc trong khu vực nhà nước vẫn có sức hút mạnh đối với SV sau tốt nghiệp.

Tuy nhiên vẫn có tới 23.5% cựu SV làm việc ở khu vực tư nhân, cổ phần, còn lại là làm trong lĩnh vực khác. Kết quả cũng chỉ ra những vấn đề dai dẳng như sự không phù hợp với công việc, chưa tận dụng hết tiềm năng lao động và việc làm chất lượng thấp đối với thanh niên Việt Nam. Như vậy có thể thấy đề SV sau tốt nghiệp có việc làm cũng cần có thời gian nhất định.

Bảng 2.3: Thời gian để có việc làm sau tốt nghiệp của SV ngành CTTN

TT	Thời gian có việc làm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Dưới 3 tháng	57	46.7
2	Từ 3 đến dưới 6 tháng	15	12.3
3	Từ 6 tháng – 12 tháng	30	26.6
4	Trên 12 tháng	20	16.4
Tổng cộng		122	100%

(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 7/2024)

Kết quả khảo sát trong bảng 2.3 cho thấy SV tốt nghiệp ngành CTTN mất khoảng dưới 3 tháng để có việc làm chiếm tỉ lệ cao nhất 46.7%, có thể công việc này chưa phù hợp về chuyên môn, sở thích với SV sau tốt nghiệp nhưng rõ ràng cho thấy sự chủ

động của SV ngành CTTN sau tốt nghiệp trong tìm kiếm việc làm. Số SV mất khoảng từ 6 tháng đến 12 tháng đứng ở vị trí thứ 2 là 26.6%, sau khi tốt nghiệp SV cần thêm thời gian để tìm công việc phù hợp với bản thân. Thời gian trên 12 tháng SV ngành CTTN có việc làm chiếm tỉ lệ thấp 16.4%.

Xuất phát điểm các bạn SV Phân hiệu chủ yếu từ Đà Nẵng trở vào Cà Mau theo khu vực được phân tuyển sinh nên SV cũng chủ yếu đến từ các tỉnh ở khu vực này, theo. Khảo sát cho thấy SV ở các tỉnh miền Bắc chiếm tỉ lệ thấp 0.8%, duy nhất khoá 1 ngành Công tác thanh niên có 01 SV từ Hà Nội vào Phân hiệu học tập, còn lại ở các tỉnh miền Trung và chủ yếu là ở miền Nam chiếm tỉ lệ cao nhất 92.6%. Các bạn ở khu vực miền Nam học tại Phân hiệu thuận tiện cho việc đi lại, chi phí sinh hoạt và cả yếu tố văn hoá vùng miền.

Như vậy có thể thấy đa số các em SV ngành CTTN lựa chọn khu vực nhà nước để làm việc, bản thân các em đã phải thay đổi rất nhiều công việc khác nhau để chờ thời gian thi công chức tìm kiếm công việc phù hợp với chuyên môn và hoàn cảnh gia đình, khu vực cựu SV làm việc chủ yếu là các tỉnh miền Nam gồm Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Có thể thấy SV ngành CTTN rất chủ động, sáng tạo, năng động trong tìm kiếm việc làm nên sau khi tốt nghiệp dưới 3 tháng các em đã có việc làm nuôi sống bản thân.

2.1.2. Thu nhập bình quân của SV ngành CTTN sau khi tốt nghiệp tại Phân hiệu

Có được việc làm đúng với chuyên ngành được đào tạo luôn là mơ ước của hầu hết với mọi người không chỉ với SV mới tốt nghiệp ra trường. Bên cạnh đó thu nhập cũng là vấn đề được SV quan tâm sau khi tốt nghiệp, có thể thấy thu nhập bình quân hàng tháng là chỉ báo tốt nhất phản ánh được mức sống của cựu SV sau khi tốt nghiệp ra trường. Theo kết quả của Tổng cục Thống kê năm 2023, dân số Việt Nam 100.3 triệu dân và thu nhập bình quân năm 2023 là 4.96 triệu đồng/người/tháng. Tìm hiểu mức thu nhập bình quân hàng tháng mà cựu SV của trường nhận được từ công việc hiện tại (bảng 2.4).

Bảng 2.4: Thu nhập bình quân của SV ngành CTTN sau khi tốt nghiệp

TT	Thu nhập bình quân	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Dưới 5 triệu	31	25.4
2	Từ 5 triệu – 7 triệu	50	41.0
3	Từ 7 triệu – 10 triệu	29	23.8
4	Trên 10 triệu	12	9.8
Tổng cộng		122	100%

(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 7/2024)

Qua bảng 2.5 nhận thấy mức lương phổ biến nhất

của SV tốt nghiệp ngành CTTTN hàng tháng trong khoảng từ 5 - 7 triệu đồng với tỉ lệ 41%, mức lương dưới 5 triệu chiếm 25.4%, mức cao từ 7 - 10 triệu chiếm 23.8% và cuối cùng mức lương trên 10 triệu chiếm tỉ lệ nhỏ 9.8%. Như vậy đa số cựu SV sau khi đi làm đều có mức thu nhập trung bình chung trong nhóm lao động của các ngành nghề khác và cao hơn mức trung bình mà Tổng cục thống kê công bố.

2.2. Một số giải pháp

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về việc làm, chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên như chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm qua Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho thanh niên qua hệ thống các trung tâm dịch vụ việc làm, hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên, SV học việc sau tốt nghiệp... thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

Một là, Dựa trên kết quả nghiên cứu cho thấy SV sau tốt nghiệp ngành CTTTN hiện nay trong quy định của Bộ Nội vụ chưa có vị trí việc làm cho ngành CTTTN nên đây cũng là khó khăn cho SV ngành CTTTN sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó Trung ương Đoàn cần có cơ chế sắp xếp vị trí việc làm sau khi hết tuổi đoàn cho SV tốt nghiệp ngành CTTTN tránh trường hợp hết tuổi đoàn SV tự tìm công việc để chuyên thậm chí ở vị trí thấp hơn, điều này làm cho đội ngũ cán bộ đoàn không yên tâm công tác để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hai là, nhà trường cần phải bổ sung điều chỉnh chương trình đào tạo ngành CTTTN cho phù hợp với thực tiễn, trong kết quả nghiên cứu, SV mong muốn nhà trường cần kết nối với đơn vị tuyển dụng để hỗ trợ SV và SV được cơ hội rèn luyện thêm về các kỹ năng tuyển dụng để thích ứng tốt hơn với môi trường mới. Những đề xuất từ phía người học và nhà tuyển dụng, nhà trường cần có lộ trình điều chỉnh bổ sung kịp thời, tránh đào tạo theo chương trình cũ không bắt kịp với xu hướng phát triển chung của xã hội sẽ ảnh hưởng đến người học, sau khi tốt nghiệp ra trường khó thích ứng với môi trường và khó xin việc làm.

Ba là, GV cần phải nâng cao hơn nữa về hoạt động nghiên cứu thực tế ở địa phương, cơ sở là yêu cầu bắt buộc nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu thực tế, chất lượng giảng dạy sẽ được nâng lên, vì vậy một trong những trách nhiệm của GV là phải

thực hiện và thực hiện tốt các hoạt động nghiên cứu thực tế, từ nghiên cứu thực tế GV nắm bắt đầy đủ thông tin về đời sống kinh tế xã hội liên quan đến sự phát triển của địa phương, của đất nước, lý giải những vấn đề đặt ra và giữa lý thuyết và thực tế có sự khác biệt như thế nào. Cùng với đó, SV cần xây dựng mạng lưới mối quan hệ trong quá trình tìm kiếm việc làm sau này của SV. Sau khi tìm hiểu công việc, SV có thể trao đổi với thầy cô, anh chị học khóa trước để xin ý kiến về kinh nghiệm, kỹ năng đi phỏng vấn xin việc. Bên cạnh đó tham gia vào ngày hội tuyển dụng, hội chợ việc làm cũng là cơ hội tốt để SV tìm được công việc phù hợp.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã đánh giá thực trạng việc làm của SV ngành CTTTN sau tốt nghiệp tại Phân hiệu từ khóa 1 đến khóa 5 cho thấy sau khi tốt nghiệp SV ngành CTTTN chủ yếu làm trong khu vực nhà nước chiếm tỉ lệ cao, thu nhập bình quân của SV ngành CTTTN sau khi tốt nghiệp tại Phân hiệu ở mức trung bình từ 5 đến 7 triệu/ tháng. Kết quả của đề tài đã trả lời cho câu hỏi nghiên cứu đặt ra ban đầu, tình hình việc làm của SV ngành CTTTN sau khi tốt nghiệp ra trường đa số có việc làm phù hợp và các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của SV sau khi tốt nghiệp đại học như chính sách pháp luật; cơ sở đào tạo; các mối quan hệ xã hội và kiến thức kỹ năng mềm của SV. Từ kết quả nghiên cứu, SV đã đánh giá và đưa ra các giải pháp để nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm cho SV tập trung vào nhóm giải pháp đối với nhà trường và đối với chính bản thân SV.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2008). *Quyết định số 1019/QĐCTK ngày 12/11/2008 về việc Ban hành danh mục dân tộc, danh mục tôn giáo và danh mục nghề nghiệp áp dụng cho tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, Hà Nội
2. Bộ Luật Lao động. 2019.
3. Chính phủ. 2023. *Nghị định số 38/2023/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022 ngày 19/04/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*, Hà Nội.
4. Luật việc làm. 2014.
5. Cù Thị Thanh Thuý (2017). *Mức độ phù hợp của việc làm với chuyên ngành đào tạo của SV của Khoa Xã hội học Trường Đại học Công đoàn sau khi tốt nghiệp*, Tạp chí khoa học Công đoàn, số 21, tr.23 -25.